TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải;
2. Bà Phạm Thị Loan.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03A/2024/QĐXX-ST ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy B tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh B, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Quỳnh B một thời gian ngắn sau đó chuyển vào làm ăn sinh sống tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, anh B đã bỏ về sinh sống tại xã Quỳnh B, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là Nguyễn Duy B, sinh ngày 09/3/2017, hiện con chung đang ở cùng Chị T. Ly hôn Chị T đề nghị được nuôi con

chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện Chị T không có thai, Chị T đang làm công nhân cây giống tại xã H thu nhập 01 tháng là 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Duy B trình bày như sau: Anh xác định về thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Phạm Thị Thu T đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay mỗi người sống một nơi. Nay Chị T có đơn xin ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với Chị T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy B, sinh ngày 09/3/2017, hiện con chung đang ở cùng Chị T. Nếu ly hôn xảy ra anh B đề nghị giao con chung cho Chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn Đ, cán bộ tư pháp xã Quỳnh B, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Duy B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Quỳnh B vào ngày 08/12/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Quỳnh B, sau đó chuyển vào sinh sống tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc và lao động tự do. Quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào cơ sở thôn không nắm rõ. Hiện nay Chị T và anh B đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy B, sinh năm 2017, ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng các bên. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Duy B là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Quỳnh B, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; … Anh B, Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh B, Chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị T, anh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh B, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/12/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị T đề nghị ly hôn nhưng anh B cũng đồng ý ly hôn và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho chị được ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Duy B có 01 con chung là Nguyễn Duy B, sinh ngày 09/3/2017, hiện con chung đang ở cùng Chị T. Ly hôn Chị T, anh B thống nhất giao con chung cho Chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Chị T là chính đáng, Chị T có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi con Nguyễn Duy B, sinh ngày 09/3/2017; anh Nguyễn Duy B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thu T, anh Nguyễn Duy B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Duy B.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi con Nguyễn Duy B, sinh ngày 09/3/2017; anh Nguyễn Duy B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0004525 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu T và anh Nguyễn Duy B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Quỳnh B, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh